

QUY ĐỊNH
Học tiếng Anh và chuẩn trình độ tiếng Anh
đối với sinh viên bậc đại học hệ chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số:/QĐ-KHTN ngày của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc gia TP.HCM)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về học tiếng Anh và chuẩn trình độ tiếng Anh đối với sinh viên bậc đại học hệ chính quy.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên bậc Đại học hệ chính quy từ khóa tuyển năm 2013 trở về sau (SV) đang học tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc Gia TP.HCM.

Điều 2. Khối kiến thức ngoại ngữ tiếng Anh bắt buộc

1. Các học phần Anh văn bắt buộc trong chương trình đào tạo

SV phải nộp chứng chỉ đạt chuẩn đầu ra B1.2 hoặc phải hoàn tất bốn học phần Anh văn sau đây mới được phép đăng ký học các học phần chuyên ngành:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	NNA001	Anh văn 1	3
2	NNA002	Anh văn 2	3
3	NNA103	Anh văn 3	3
4	NNA104	Anh văn 4	3

2. Điều kiện miễn học Anh văn

STT	Miễn học	Điều kiện được miễn
1	Anh văn 1	Thỏa một trong hai điều kiện sau đây: 1. Có kết quả thi anh văn đầu vào đạt 8.0 điểm trở lên (SV được nhận điểm tương đương này cho môn Anh văn 1). 2. Hoặc có chứng chỉ tương đương trình độ từ B1.1.

STT	Miễn học	Điều kiện được miễn
2	Anh văn 1 và Anh văn 2	<p>Thỏa cả hai điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có kết quả thi anh văn đầu vào đạt 8.0 điểm trở lên; 2. Có chứng chỉ tương đương trình độ từ B1.1.
2	Anh văn 1 và Anh văn 2	<p>Thỏa cả hai điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có kết quả thi anh văn đầu vào đạt 8.0 điểm trở lên; 2. Có chứng chỉ tương đương trình độ từ B1.1.
3	Anh văn 2	<p>Thỏa cả hai điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có kết quả thi Anh văn 1 đạt 5.0 điểm trở lên; 2. Có chứng chỉ tương đương trình độ từ B1.1.
4	Anh văn 1, Anh văn 2, Anh văn 3 và Anh văn 4	<ol style="list-style-type: none"> a. Trường hợp SV nộp vào đầu khóa học thì phải thỏa cả hai điều kiện sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a.1. Có kết quả thi Anh văn đầu khóa đạt 8.0 điểm trở lên; a.2. Có chứng chỉ tương đương trình độ từ B1.2. b. Trường hợp SV nộp từ học kỳ thứ hai trở về sau thì phải thỏa cả hai điều kiện sau đây: <ol style="list-style-type: none"> b.1. Có kết quả thi Anh văn 1 đạt 5.0 điểm trở lên; b.2. Có chứng chỉ tương đương trình độ từ B1.2.

3. Cách tính điểm trung bình và số tín chỉ tích lũy của các học phần Anh văn

a. SV được miễn học Anh văn 1 do điểm thi Anh văn đầu khóa đạt theo quy định, điểm này sẽ được tính vào điểm trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và số tín chỉ tích lũy.

b. Kết quả thi các học phần Anh văn do Trường tổ chức học và thi sẽ được tính vào điểm trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và số tín chỉ tích lũy.

c. Sinh viên được miễn học Anh văn do nộp chứng chỉ theo quy định sẽ được nhận điểm miễn, được tính vào số tín chỉ tích lũy nhưng không được tính vào điểm trung bình học kỳ và trung bình tích lũy.

Điều 3. Kiểm tra xếp lớp học tiếng Anh

1. Đầu khóa học, SV phải dự kiểm tra tiếng Anh đầu khóa do Trường tổ chức.

2. Căn cứ kết quả kiểm tra, Trường sẽ lập các danh sách như sau:

a. SV đủ trình độ tiếng Anh để được học Anh văn 1.

b. SV được miễn học Anh văn 1.

c. SV không đủ trình độ học Anh văn 1 và phải học lớp bổ túc Anh văn.

Điều 4. Đánh giá kết quả học tập

1. Đối với khóa 2013, điểm tổng kết mỗi học phần bao gồm điểm quá trình cộng với điểm cuối kỳ như sau:

a. Điểm quá trình: 30% điểm tổng kết.

b. Điểm thi cuối kỳ: 70% điểm tổng kết.

2. Đối với khóa 2014 trở về sau, điểm tổng kết mỗi học phần bao gồm điểm quá trình cộng với điểm cuối kỳ như sau:

a. Điểm quá trình: 20% điểm tổng kết.

b. Điểm thi cuối kỳ: 80% điểm tổng kết. Trong đó tỉ lệ điểm của 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với tỉ lệ điểm như sau:

b.1 Đối với học phần Anh văn 1, Anh văn 2, Anh văn 3:

- Điểm nghe: 15% điểm tổng kết.

- Điểm nói: 15% điểm tổng kết.

- Điểm đọc: 30% điểm tổng kết.

- Điểm viết: 20% điểm tổng kết.

b.2 Đối với học phần Anh văn 4:

- Điểm nghe: 20% điểm tổng kết.

- Điểm nói: 20% điểm tổng kết.

- Điểm đọc: 20% điểm tổng kết.

- Điểm viết: 20% điểm tổng kết.

3. Điểm tổng kết mỗi học phần được tính theo thang điểm 10. Sau khi cộng các điểm thành phần sẽ được làm tròn 0.5 theo quy định.

4. Điểm đạt là từ 5.0 điểm trở lên.

5. Học phần tiên quyết Anh văn

a. SV phải đạt học phần Anh văn 1 mới được học tiếp học phần Anh văn 2.

b. SV phải đạt học phần Anh văn 2 mới được học tiếp học phần Anh văn 3.

c. SV phải đạt học phần Anh văn 3 mới được học tiếp học phần Anh văn 4.

Điều 5. Chuẩn trình độ tiếng Anh khi đăng ký học các học phần chuyên ngành.

1. Chuẩn trình độ tiếng Anh khi đăng ký học các học phần chuyên ngành là sinh viên phải hoàn tất bốn học phần Anh văn được quy định tại khoản 1 Điều 2 quy định này.

2. Chậm nhất là cuối học kỳ thứ 6, SV phải đạt chuẩn trình độ tiếng Anh theo Khoản 1 Điều 5 mới được xét tiếp tục đăng ký và học khối kiến thức chuyên ngành.

3. Khoản 1 và 2 Điều 5 quy định này áp dụng bắt đầu từ khóa tuyển năm 2015 trở về sau.

Điều 6. Chuẩn trình độ tiếng Anh khi tốt nghiệp.

1. SV phải đạt được chuẩn đầu ra B1.2 khi nộp hồ sơ xét tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra B1.2 được qui định theo Quyết định số 992/QĐ-ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 04/9/2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy định Chứng chỉ tiếng Anh ĐHQG TP.HCM tương đương với các chứng chỉ như sau:

- a. Chứng chỉ VNU-EPT đạt 176 do ĐHQG-HCM cấp.
- b. Chứng chỉ IELTS 4.0 do British Council hoặc IDP Australia cấp.
- c. Chứng chỉ TOEFL(iBT) 32 do ETS cấp.
- d. TOEIC 4 kỹ năng: 316 Nghe-Đọc và 181 Nói-Viết do ETS cấp.
- e. Chứng chỉ PET 80 do Cambridge cấp.

2. Xét công nhận đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng Anh.

a. Thời gian nộp chứng chỉ: SV nộp các chứng chỉ tương đương với chuẩn đầu ra B1.2 tại Khoản 1 Điều 6 quy định này vào đầu mỗi học kỳ. Học kỳ 1 sẽ nộp vào tháng 6, học kỳ 2 sẽ nộp vào tháng 12 hằng năm theo thông báo nộp chứng chỉ của Phòng Đào tạo.

b. Hồ sơ nộp gồm:

- Bảng photo có công chứng các chứng chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 quy định này (kèm bản chính đối chiếu).

- Mang theo Chứng minh nhân dân để đối chiếu.

c. Thời hạn của chứng chỉ là hai năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày xét công nhận đạt chuẩn.

Điều 7. Chứng chỉ VNU-EPT và quy đổi tương đương với các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Chứng chỉ VNU-EPT	Tương đương chứng chỉ tiếng Anh quốc tế
1	điểm từ 151 đến 175 điểm (tương đương trình độ B1.1)	IELTS: đạt từ 3.5 đến 4.0 điểm
		PET: đạt từ 60 đến 79 điểm
		TOEFL iBT: đạt từ 31 điểm trở lên
		TOEIC (nghe, đọc): đạt từ 226 đến 315 điểm
		TOEIC (nói, viết): đạt từ 161 đến 180 điểm
2	điểm từ 176 đến 200 điểm (tương đương trình độ B1.2)	IELTS: đạt 4.0 đến 4.5 điểm
		PET: đạt từ 80 đến 100 điểm
		TOEFL iBT: đạt từ 32 đến 34 điểm
		TOEIC (nghe, đọc): đạt từ 316 đến 400 điểm
		TOEIC (nói, viết): đạt từ 181 đến 200 điểm

Điều 8. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

HIỆU TRƯỞNG